1. 베트남 국제면허증 관련 법령

국제면허증의 베트남 내 사용에 관한 규정은 베트남 「도로교통법」 제23/2008/QH12호의 하위법령에 해당하는 「도로 자동차 운전면허의 교육, 시험 및 발급에 관하여 규정하는 통자(通諮, 도로교통부 시행규칙)」 제12/2017/TT-BGTVT호와 「국제 자동차 운전면허증 발급, 사용에 관하여 규정하는 통자(通諮, 도로교통부 시행규칙)」 제29/2015/TT-BGTVT호에 명시되어 있습니다. 베트남은 1949년 제네바에서 체결된 「도로교통에 관한 협약」과 1968년 비엔나에서 체결된 「도로교통에 관한 협약」의 가입국이므로 대한민국에서 발급된 국제운전면허증(International Driving Permit)의 베트남 내 사용이 인정되며, 국제운전면허증과 함께 대한민국의 자동차 운전면허증도 소지해야 한다고 다음과 같이 명시하고 있습니다.

① 「도로 자동차 운전면허의 교육, 시험 및 발급에 관하여 규정하는 통자(通諮, 도로교통부 시행규칙)」 제12/2017/TT-BGTVT호 [시행 2017.6.1.]

원문	번역문
Chương III QUẢN LÝ SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE	제3장 자동차 운전면허증 시험, 발급 관리
Điều 33. Sử dụng và quản lý giấy phép lái xe 10. Người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có nhu cầu lái xe ở Việt Nam thực hiện như sau: a) Nếu có giấy phép lái xe quốc gia phải làm thủ tục đổi sang giấy phép lái xe tương ứng của Việt Nam;	제33조 자동차 운전면허증의 사용 및 관리 10. 베트남에서 자동차 운전을 희망하는 외국인 또는 외국에 거주하는 베트남인은 다음과 같이 이행한다. a) 자국의 자동차 운전면허증을 소지하고 있다면 베트남 운전면허증에 상응하는 면허증으로 교체하는 절차를

b) Trường hợp điều ước quốc tế về giấy phép lái xe mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.	진행하여야 한다. b) 베트남이 당사국인 자동차 운전면허에 관한 국제조약에서 다르게 규정하는 경우에는 해당 국제조약의 규정이 적용된다.

② 「국제 자동차 운전면허증 발급, 사용에 관하여 규정하는 통자(通諮, 도로교통부 시행규칙)」 제29/2015/TT-BGTVT호 [시행 2015.10.1.]

원문	번역문
Chương III SỬ DỤNG GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ	제3장 자동차 국제운전면허증의 사용
Điều 11. Sử dụng giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước Viên cấp tại Việt Nam 1. Người có IDP do các nước tham gia Công ước Viên cấp khi điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trên lãnh thổ Việt Nam phải mang theo IDP và giấy phép lái xe quốc gia được cấp phù hợp với hạng xe điều khiển; phải tuân thủ pháp luật giao thông đường bộ của Việt Nam. 2. Người có IDP vi phạm pháp luật về giao thông đường bộ Việt	제11조 협약 참가국이 발급하는 자동차 국제운전면허증의 베트남에서의 사용 1. 협약 참가국이 발급하는 국제운전면허증(IDP) 소지자는 베트남 영토상에서 도로교통수단을 운전할 때 운전하는 자동차 종류에 부합하도록 발급된 국제운전면허증과 자국의 자동차 운전면허증을 소지하여야 하며, 베트남 도로교통법을 준수하여야 한다. 2. 베트남 도로교통에 관한 법률을 위반한 국제운전면허증 소지

Nam mà bị tước quyền sử dụng IDP có thời hạn thì thời hạn bị tước không quá thời gian người lái xe được phép cư trú tại lãnh thổ Việt Nam.	자가 기한이 있는 국제운전면허증의 사용권을 박탈당하는 경우 그 박탈 기한은 자동차 운전자가 베트남 영토에 거주를 허가받은 기간을 초과하지 않는다.

2. 상업적 목적이 아닌 자동차 및 오토바이의 일시반출입 관련 법령

베트남 「관세법」 제54/2014/QH13호의 하위법령에 해당하는 「비상업적 목적으로 수입, 일시수입이 허가되는 대상인 자동차, 오토바이의 관리 및 세관절차를 규정하는 통자(通諮, 재무부 시행규칙)」 제143/2015/TT-BTC호에 따르면, 비상업적 목적의 수입, 일시수입이 허가되는 대상의 자동차, 오토바이의 경우에는 이 시행규칙에 명시된 세관절차를 통하여 관세의 면제 등을 받을 수 있으며, 이 대상에 해당하지 않는 경우에는 「세관절차, 세관 검사·감독·통제에 관한 관세법 세부내용 및 시행방안을 규정하는 의정(議定, 정부 시행령)」 제24/VBHN-BTC호 제4장제4절의 '출입국, 국경을 통과하는 자동차에 대한 세관절차, 세관검사·감독'에서 규정하는 절차를 확인하시기 바랍니다.

① 「비상업적 목적으로 수입, 일시수입이 허가되는 대상인 자동차, 오토바이의 관리 및 세관절차를 규정하는 통자(通諮, 재무부 시행규칙)」 제143/2015/TT-BTC호 [시행 2015.10.26.]

원문	번역문
Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Người Việt Nam định cư tại nước ngoài là trí thức, chuyên	**제2조** 적용 대상 1. 베트남 국가기관의 초대로 1년 이상의 기간 동안 귀국하여

gia, công nhân lành nghề về nước làm việc trong thời gian từ một năm trở lên theo lời mời của cơ quan Nhà nước Việt Nam.	근무하는 외국에 정주하는 베트남 지식인, 전문가, 숙련공
2. Chuyên gia nước ngoài tham gia quản lý và thực hiện các chương trình, dự án ODA tại Việt Nam đảm bảo điều kiện được tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy quy định tại Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ.	2. 정부 총리의 2009년 10월 1일 결정 제119/2009/QĐ-TTg호에서 규정하는 자동차, 오토바이의 일시수입 조건이 보장되는 베트남에서의 공적개발원조(ODA) 프로그램, 프로젝트 관리 및 시행에 참여하는 외국 전문가
3. Tổ chức, cá nhân được nhập khẩu, tạm nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy theo quy định tại các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.	3. 베트남이 서명 또는 가입한 국제조약의 규정에 따라 자동차, 오토바이의 수입, 일시수입이 허가되는 개인, 단체
4. Các đối tượng khác được nhập khẩu xe ô tô, xe gắn máy không nhằm mục đích thương mại theo quy định của pháp luật có liên quan.	4. 관련 법률 규정에 따라 비상업적 목적으로 자동차, 오토바이가 수입되는 기타의 경우
5. Cơ quan hải quan, công chức hải quan thực hiện thủ tục hải quan và quản lý xe ô tô, xe gắn máy của các đối tượng được phép nhập khẩu, tạm nhập khẩu không nhằm mục đích thương mại.	5. 비상업적 목적으로 수입, 일시수입이 허가되는 대상인 자동차, 오토바이의 관리 및 세관절차를 이행하는 세관 기관, 세관 공무원
6. Tổ chức, cá nhân Việt Nam nhận chuyển nhượng xe ô tô, xe gắn máy tạm nhập khẩu, nhập khẩu miễn thuế của các đối	6. 이 조 제1항·제2항 및 제3항에서 규정하는 대상이 면세로 수입·일시수입하는 자동차·오토바이와 제4조에서 규정하는 대

tượng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này và xe ô tô nhập khẩu miễn thuế của đối tượng quy định tại khoản 4 (dưới đây gọi tắt là người mua xe).	상이 면세로 수입하는 자동차를 양도받은 베트남 개인, 단체 (이하 “자동차 매수인”이라 한다)

② 「세관절차, 세관 검사·감독·통제에 관한 관세법 세부내용 및 시행방안을 규정하는 의정(議定, 정부 시행령)」 제24/VBHN-BTC호 [시행 2015.3.15.]

제4절 출입국, 국경을 통과하는 자동차에 대한 세관절차, 세관검사·감독

제74조 입국하는 자동차, 원동기, 오토바이에 대한 세관서류
제75조 출국하는 자동차에 대한 세관서류
제76조 세관서류의 제출기한
제77조 출입국하는 자동차, 원동기, 오토바이에 대한 세관절차, 세관검사·감독
제77a조 일부 특별한 경우에 대한 세관절차
제78조 출입국 시 비상업적 목적의 자동차에 대한 세관절차